

^{shop}
^{section} ban chứa máy ra-đi-ô, ^{motor pool} tủ đồ đồ-phụ-tùng xe-hơi, nơi để quần-
áo-chống-hơi-độc, ^{protective clothing} kho đạn, và ^{ammunition} thuốc-súng. ^{locker room}

Xem xong ban quân-nhu và quân-cu tôi tới phòng ^{communication center} trung-ương
truyền-tin. Ở đây dây điện-thoại ^{statelink} chằng hết cả trần. Các
cô tóc cắt ngắn, ^{headsets} đầu mang vành-nghe đang làm việc ^{exactly} hăng-hải
lắm. Trông thấy các cô tôi nghĩ đến Thuộc. Có lẽ bây giờ
Thuộc cũng mặc ^{uniform} quần-phục nhưng làm gì?...Tôi đang ^{waiting for letter} mong thư
của Thuộc.

Tôi chưa hiểu tại sao tỉnh này lại lạ thể thì trên đường
về trường huấn-luyện tôi trông thấy một cái ^{sign} biển đề "Dinh ^{Palace}
Chu-tịch." ^{How} A thể ra ^{army} chính-phủ ^{resistance} kháng-chiến đang đóng ở đây.
Tôi ước-ao Thuộc cũng được ^{opportunity} dịp đến thăm T.N.

cửa-hàng	shop window, shop, store
biển-phố	street sign
đen-mắt-mèo	blackout
ranh-giới	boundary
hệ-thống báo-động	warning net
thượng-sĩ	warrant officer
trung-ương truyền-tin	communication center
vành-nghe	headset (headphones)
quần áo chống hơi độc	protective clothing

NHẬT KÝ (tiếp theo)
ĐỒN BIÊN GIỚI

Tôi đi học ^{thứ 14} ngày Đoan-Ngọ. Tôi mãi học ngày ông Công về Trời. Tết của tôi năm nay sẽ không như Tết mọi năm. Theo ^{thứ 15} lệnh trên thì Tết này là Tết giết giặc. Tôi phải đi đóng ở một đồn gần biên-giới.

Chỗ này còn nhiều rừng núi hơn T. N. Sau khi trèo núi vượt đèo, chúng tôi tới một ^{đỉnh} [giải-đất phẳng] ^{ở trên đỉnh}. Ở khu này như ở trong lòng chảo. Xung quanh là tường núi. Muốn vào thì phải qua một cái đèo. Vào rồi thì ra cũng khó vì lại phải qua cái đèo ấy. Có lẽ cũng vì địa-thể ^{phẳng} giải-đất như thế nên mới có tên là "tứ-địa." Giáo viên giấy lớp huấn luyện đã bảo tôi một lần là chúng mình dùng súng trường mà chống lại được với co-giới-hóa, phi-cơ là nhờ ở địa-thể.

Tôi được lệnh theo một tiểu-đội-trưởng. Công-việc của tiểu-đội tôi là xây một pháo-đài ngay cửa đèo. Chúng tôi đào hầm và chặt cây. Pháo đài thì xây bằng xi-măng cốt-sắt. Chỉ có nhà ^{chờ} chờ là cao, còn mọi nhà đều thấp cả. Chúng tôi phải chôn ^{lên} ngăm dây điện-thoại dưới đất. Đường đi từ khu này sang khu khác toàn là đường hầm.

Cách phòng-thủ rất ^{chặt chẽ} chu-đáo và rất lạ. Đồn-vị ^{quân} hoạt-động ^{chính} là tiểu-đội; mỗi tiểu-đội có mười sáu người, hai người ^{chính} cảm-tử và số còn lại là lính xung phong. Súng thì có từ súng trường đến ba-dô ka. Ai cũng có dây-lung-đạn. Điện-thoại thì bốn tiểu-đội có một máy. Súng cao-xạ cũng thế. Tiếp-tế thì có

hai xe-cam-nhông chỗ lương-thực. Tôi được biết là khu tử-
địa này sẽ tổ-chức thành một đồn quan-trọng có mục-đích
ngăn đường tiến của quân địch từ nước bên cạnh đánh sang.
Ban truyền-tin có một ban mã dịch. Họ cho biết là sẽ có
nhiều tiểu-đoàn di-chuyển tới. Các tiểu-đoàn này có cả xe-
cộ tác-chiến, xe-tăng hạng nhỏ và súng đủ các cỡ. Chúng tôi
phải học kỹ bản địa-đồ khu tử-địa. Phía đông nơi gần đèo là
trại tù-binh. Ngoài trại là tử-tuyến.

Từ trên núi chạy xuống có một con sông uốn mình trông
như một con rắn. Cảnh đẹp thật. Tôi khen người nào đã khéo
chọn địa-điểm này.

lòng chảo

a valley or basin(lit.: having
the shape of a sauce-pan)

địa-thể

terrain features

chặt

to cut, to fell

dây-lung-đạn

cartridge belt

mã-dịch

to decode

di-chuyển

redeployment

xe-cộ tác-chiến

combat vehicles

tử-tuyến

dead line (around a P.W. compound)

NHẬT KÝ (tiếp theo)
 DỊCH LẬP TRAM HÀNG KHÔNG

Đội nhà binh cũng lạ. ^{life} Nay ^{before} đây ^{sent out} mai đó, chẳng làm sao biết trước được. ^{flat area} Lệnh vừa ra cho ^{at night} tất cả ^{near} quân lính ^{down} phải rời khỏi khu đất phẳng. Bây giờ là nửa đêm mà đèn ^{down} rạng-đồng thì không ai được ở trong giải đất phẳng cả. Tôi không hiểu tại sao. Tiểu-đội-trưởng của chúng tôi cũng không biết. Mọi người chỉ biết lệnh xuống là phải tuân.

Vội vàng anh em chúng tôi mang súng đạn và các đồ-đặc
nhẹ đi lên núi. Khoảng ba giờ sáng thì chúng tôi ra khỏi
giải đất phẳng. Tiếng còi báo-động từ trại lính bay lại nghe
rất rõ. Khác với tiếng chuông ở T.N., tiếng còi ở đây có
một tần-số khá cao. Có lẽ hệ-thống phòng-thủ ở đây tổ-chức
theo một kiểu [tối-tân] hơn nhiều.

Đứng trên núi tôi trông thấy một đoàn oanh-tạc cơ bay
lai. Các phi-cơ này lượn đi lượn lại, rồi bay thành hàng một,
lần lượt mỗi chiếc nhào xuống thấp rồi..đùng ùng ùng xa
đạn như pháo Tết. Tiếp sau cuộc oanh-tạc là đoàn quân nhảy-
dù nhảy xuống bắn phá. Tôi nghĩ quân-địch sung sướng chiếm
được một khu [không người.]

Chúng tôi đang leo núi thì được lệnh tập-hợp trong rừng. Từ đó công-việc của chúng tôi chỉ là quan-sát tình-hình và hoạt-động của địch quân. Người ta phát cho tôi một cái địa-bản và một ống-nhòm. Qua ống-nhòm tôi trông thấy địch quân đang xây pháo-đài và đắp chiến-lũy. Họ tiếp-tế bằng phi-cơ:

luong-thuc, đạn-dược, súng ống đều do phi-cơ thả xuống; (ngay như) xe-tăng cũng do dù thả xuống. Hình như quân địch dùng cầu-hàng-không để làm khu này [thành] một căn-cứ quân-sự quan-trọng. Họ làm nhiều đường-sân-bay. Họ đào giếng; họ [phòng-thủ tứ phía] họ đào rộng thêm những đường-hầm của chúng tôi. Họ chôn dây-cáp quanh khu đất phẳng. Họ xây nhà thờ, nhà thương. Cạnh nhà [trung-vong-lựa-thương] hình như là [ban-chôn-cắt]. Gần điểm-trắc-địa 800 có một đài vô-tuyến-điện. Tôi nghe nói số 800 là (danh-hiệu) liên lạc của đài này, nhưng không biết có đúng không.

Tôi cũng trông thấy nhiều xe (chỗ) nước quanh giải đất phẳng. Có lẽ họ định làm trạm tiếp tế nước. Chắc họ cần nước lắm nên ai cũng đeo một bình-đựng-nước.

Trời tối, tôi trở về bàn [giấy] tiểu-đội-trưởng và viết bài phúc-trình.

giải đất	belt (terrain)
tần-số	frequency
oanh-tạc-cơ	bomber
xả-đạn	to strafe
địa-bàn	compass
cầu-hàng-không	airlift
đường sân bay	airstrip
phòng-thủ tứ-phía	all-around defense
dây-cáp	cable
trung-vong-lựa-thương	clearing station
ban chôn-cắt	burial party

điểm-trắc-địa
danh-hiệu liên lạc
trạm tiếp tế nước
bình đựng nước
phúc trình
trạm hàng không

bench mark
call sign
water point
canteen
report
airhead

NOTES

NHẬT KÝ (tiếp theo)

Bốn tuần lễ tôi chỉ ^{remain idle}ngồi không và quan sát địch.

Nhưng đây theo lệnh này thì tôi không ngồi không được nữa:

^{REPORT}"Báo-cáo của Ủy-ban ^{Committee}Kháng-Chiến:

^{at last}"Cuộc ^{General counter attack}tổng-phản-công bắt đầu. Chiến-dịch này là ^{stop}bước cuối cùng của trận chiến-tranh chống ngoại-xâm. Chỉ một trận nữa là ^{Success}[thành-công]. Anh em binh-sĩ hãy ^{invasion}cố-găng ^{desperate effort}[hết sức] trong trận ^{last}(chốt) này vì đây là ^{stage}giai-đoạn ^{last (come to end)}kết-liệu."

Anh tiểu đội trưởng bảo chúng tôi: "Tất cả lực-lượng sẽ ^{concentrate}tập-trung ở quanh khu-vực này. (^{Treasury}Ngân-quỹ) quốc-gia đã đề ra một ^{allocation}[khoản-trợ-cấp] rất lớn dùng vào việc tấn-công ở đây. Pháo binh của ta có: 2.000 đại-bác hạng nặng, 2500 ba-dô-ka, 2000 súng cối, 1500 súng cao-xạ, 5000 súng đại-bác-ngắn-nòng (súng bắn trái phá) và súng ^{automatic}tự-động thì nhiều vô-kê. Súng cao-xạ có ra-đa điều-khiển để ^{direct}hạ các phi-cơ địch đến tiếp-tế cho khu ^{directly ground}tổ-địa. Với số súng cao-xạ này, chúng ta sẽ làm cho ^{air base}cầu-hàng-không của địch trở nên ^{ineffective}vô-hiệu. Đạn-dược thì ^{act as no plans}(tha-hỗ) dùng nhưng cần nhất là anh em phải theo kỷ-luật-bắn. Lương-thực của chúng ta có thừa. Cách tiếp-tế thì do 1000 xe cam-nhông và 3000 phu ^{watch over}[trông nom.] ^{Chain of command}[Hệ-thống-quân-giai] sẽ như thế này:

"^{Minister}Tổng-Tư lệnh là ông ^{Dept. Nat. Defense}Tổng-trưởng bộ Quốc-Phòng. Giúp việc ^{chief of staff}Tham-mưu-trưởng là 15 tướng. Bộ tổng tư lệnh đã làm xong ^{plan}bảng-phân-công. Dưới ^{acting}(quyền) 15 tướng là 40,000 ^{from Paris}lực quân.

^{last state of work}

Robinson

Người nào tiết lộ độ mật của những ^{secret} (tài liệu) ^{material} quân sự hoặc thông ^{inform} tin cho địch sẽ bị xử tử. (Hiển binh) ^{communicate} có nhiệm vụ bắt những người này. Huy hiệu và kỳ hiệu của hiển binh là ngôi sao đỏ. Ban công-binh được tổ-chức theo ^{way modern} lối tối-tân và có một số lớn xe đào-đất. ^{tank dozer} Các thang bằng nhôm ^{ladder} sẽ được dùng trong trận này." ^{aluminium}

ngồi không

khoản trợ cấp

hệ thống quân giai

tổng tư lệnh

tham mưu trưởng

bảng phân công

lục quân

độ mật

huy hiệu, Kỳ hiệu

xe đào đất

nhôm

to remain idle, to do nothing
allocation

chain of command

commander-in-chief

chief of staff

manning table

ground forces

classification (secret material)

emblem

tank dozer

aluminium

NHẬT KÝ (tiếp theo)
GIÚP VIỆC BAN TRUYỀN TIN
communication

Mọi người [^{urgent} cấp tốc] làm việc. Tôi và một người bạn trong tiểu đội, vì hiểu biết ^{little} chút ít về các máy vô tuyến điện nên được cử ra tạm giúp ban truyền tin. Tôi thích lắm vì sự liên lạc là một việc rất quan-trọng ngoài mặt-trận. Tôi được biết số điện-thoại [^{telephone} đã chiến] là 2.000 cái mà một số lớn là những ^{forward} ống liên hợp. Các ^{field wire} dây-cáp đã-chiến phải ^{underground} chằng ngấm. Liên ^{signal corps} sát viên sẽ dùng máy điện-thoại để ^{regulate} điều chỉnh tác-xa. Ban truyền tin sẽ dùng hai máy ^{cryptos} viết-an để ^{and} gửi tin-tức đi khắp nơi trong nước. Các viên chỉ huy sẽ có trách-nhiệm ^{responsibility} đưa âm-hiệu và ^{code words} khẩu-hiệu-đáp cho quân lính ngoài mặt-trận. Họ sẽ thay phiên nhau làm việc 24 giờ một ngày. Cách đưa tin hoặc bằng điện-thoại, hoặc bằng ^{telegraph} điện-văn, hoặc bằng ^{hand signal} kiểu-tay. Một ^{thing} điều anh em binh sĩ cần biết là anh em sẽ nghe thấy ^{single} tiếng hát, ^{music} tiếng đàn hay ^{call} lời kêu-gọi ở nhiều nơi ngoài ^{point lines} tiền tuyến. Khi nghe thấy tiếng hát thì súng sẽ ^{not} ngừng bắn. Mục ^{purpose} đích là để cho quân địch nghe thấy lời kêu-gọi của chúng ta mà ^{speaker} đầu hàng. Một số lớn máy ^{speaker} phóng-thanh sẽ ^{hung} mắc ở trên (mỏm) núi hay các cây gần đồn của địch.

Giúp việc xong chúng tôi lại trở về đơn vị cũ. Các cách thông tin thay ^{changes} đổi nhiều, nhưng tôi không thấy ^{technical} phương-pháp và ^{means} phương-tiện tiếp-tế của ta thay đổi mấy. Cách vận-tải bằng xe rất khó vì đường núi hiểm-trở. ^{some} Hình như sẽ có 8.000 thanh-niên nam ^{male of peak} nữ từ đồng-bằng lên giúp.

điện thoại dã chiến

ống liên hợp

dây cáp dã chiến

liên sát viên

máy viễn ấn

khẩu hiệu đáp

hiệu tay

field telephone

handset

field wire

forward observer

teletype

countersign

arm and hand signals

liên sát viên = forward observer

NHẬT KÝ (tiếp theo)

24 GIỜ NỬA

Sáng hôm sau, chúng tôi được lệnh tập hợp. Tập hợp xong thì đại đội trưởng đến nói chuyện với chúng tôi:

"Các anh em!

"Chiến-thuật của ta từ nay không còn là chiến-thuật du-kích nữa. Đã tám năm nay chúng ta đề địch tấn công chúng ta. Bây giờ địch đến chỗ "tử-địa" này để như chúng ta đến đánh. Họ tưởng sẽ [đánh bại] ta. Nhưng ta chỉ đợi có ngày nay. Ta sẽ đánh, và đánh mạnh. Ta sẽ tổng phản công và sẽ [quyết thắng].

"Chúng ta sẽ dùng nhiều chiến-thuật như kế-nghi-bình để địch [rối loạn] khai-thác địch khi địch thừa chạy, hành-dộng trì-hoãn khi ta lui quân, và khi tiến xuất thì tiến xuất ồ-ạt làm địch mất tinh thần. Nếu địch phòng thủ từ phía thì ta sẽ tấn-công từ phía. Ta có thể dùng bù-nhìn, súng giả và cho các em [nhì-đồng] đốt pháo làm [kế-nghi-bình].

"Để đề-phòng chiến-tranh hơi ngột, ai cũng phải mang theo mặt-nạ. Quân sĩ ở trên núi sẽ bắn-chui. Quân-sĩ bao quanh sẽ dùng chiến-thuật cận-chiến, chú-tâm làm cho tâm-sung của địch vô-hiệu. Quân cảm-tử sẽ phá hàng-rào dây-thép-gai còn quân xung-phong sẽ tấn công ồ-ạt. Đường tiến-sát của đại đội ta đi xuống Đông Nam và trực-triệt-thời thì trở về Tây Bắc. Ban công-binh sẽ chặn nước sông chảy từ trên núi xuống để làm mất cách tiếp tế nước của địch.

"Bảng-phân-công sẽ đưa đến các tiểu-đội trong giờ thứ 22. Từ giờ đến giờ số-không còn 24 tiếng đồng-hồ nữa. Anh em nên sửa-soạn cẩn-thận và sẵn-sàng đón mừng tin thắng trận."

NHẬT KÝ (tiếp theo)

ĐÊM PHẢN CÔNG

for past 12 hrs.

Đã 12 tiếng-đồng-hồ rồi, tôi ở phòng-tuyển. Tiểu-đội tôi có nhiệm-vụ phá 500 thuốc nhím gai để quân-xung-phong tiến vào kho đạn địch. Chúng tôi đào hầm tới hệ-thống dây-thép-gai của địch để cắt dây thép gai và (tháo) các hoa châu và dây bày ra. Ngày thì tôi nằm ngủ, tối thì làm việc. Com ăn, rượu uống có đủ. Mỗi lần phi-cơ địch (thả lạc) dù ra ngoài hàng-rào của họ là chúng tôi có thêm đồ-ăn. Có khi phi-công thả lương-thực vào chỗ chúng tôi đốt hỏa-châu. Chúng tôi thật ở gần địch mà họ tưởng xa; họ nói to, họ hát, chúng tôi nghe rõ; chúng tôi nói (khẽ) họ tưởng không có ai.

Sau 12 tiếng-đồng-hồ chúng tôi lại đi chỗ khác, phá 500 thuốc dây thép gai khác. Đến giờ tấn công, chúng tôi rút lui để quân xung-phong đi trước.

Đúng nửa đêm, năm tiếng đại-bác nổ vang trời. Giở giết giặc đã đến. Tiếng hô xung phong và tiếng súng nổ nghe khắp mọi nơi. Đạn-vạch-sáng xé rách màn trời đen và tiếng đạn nổ làm rung cả ngọn cỏ bên đường. Tiếng đất từ miệng hầm lộp-độp rơi trên giấy tôi. Hỏa châu xanh ở phía Nam, vàng ở Tây; bóng người đen bò trên mặt đất in hình trên màn (ánh sáng) của đèn địch dưới chân đồi. Oai-hùng [thấy] đoàn người anh dũng!

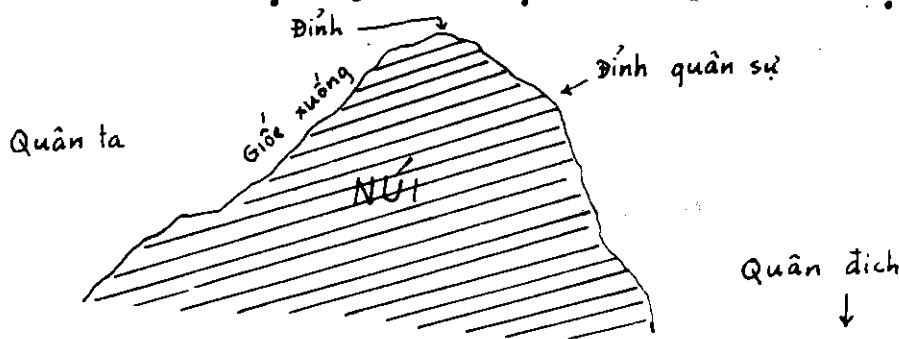
Cuộc tấn-công của lính xung-phong kéo dài tới bốn giờ sáng. Các anh em cứu-thương làm việc hăng hái: họ khiêng, họ cõng thương binh dưới làn mưa đạn.

Chúng tôi được lệnh lui-quân vào khoảng năm giờ sáng.

Tiểu-đội tôi theo trục triệt thoái đã định trước; lên núi, qua [đỉnh quân sự] và qua đường đỉnh. Tới góc xương, chúng tôi được uống nước cam và nghỉ năm phút.

Lệnh oanh-tạc bắt đầu. Đại bác xung-quanh được lệnh
 [thay phiên nhau] nã suốt ngày. [Không-khí trong sạch] của rừng
 núi bây giờ (sắc) mùi thuốc súng, riêng khu bị hơi thối thì
 như có vẻ nhiễm-độc. Trên trời xanh những đám khói trắng dung
 yên như nói cho phi-công địch biết là miệng súng cao-xa đang
 sẵn-sàng chào họ. Có lẽ cầu-hàng-không địch bị tê-liệt. Tôi
 không thấy không-quân địch [hoạt động] gì cả.

Tôi cầu trời cho địch quân đầu-hàng sớm. Với pháo binh
 đầy đủ đạn-dược, địa-thế thuận tiện và tinh-thần chiến-đấu của
 quân đội ta, tôi biết là địch quân sẽ bị chôn xác nơi tử-địa.



dây bẫy	trip-wire
đạn vạch sáng	tracer
xé	to tear
oai hùng	dignified and powerful
anh dũng	brave and strong
đỉnh quân sự	military crest
đường đỉnh	ridge (terrain)
giống xuống	reverse slope
khu bị hơi thối	blast area
nhiễm độc	contaminated
cầu hàng không	air lift
lui quân	retirement, retrograde movement

NHẬT KÝ (tiếp theo và hết)

"Anh chiến-sĩ,^{defender}

"Chắc anh đang nghỉ ở Thủ đô. Tôi đang mừng vì không
thấy tên anh trên bảng danh-sách các chiến sĩ tử-trận. Tôi
tiếc không được ở thủ-đô để dự bữa tiệc thắng trận, một bữa
tiệc mà dân ta mong đợi gần một trăm năm nay. Có một điều
đáng buồn là cái vui của đồng-bào miền Bắc không thấy ở đây.
Quân-đội ngoại-quốc còn nhiều ở Nam. Họ còn làm chủ tình-thế.^{matters of situation}

"Chắc anh đã nghe thấy là Ủy-ban Kháng-chiến đã gửi 5.000
thanh-niên nam-nữ vào Nam để làm việc tuyên-truyền cùng với anh
em địa-phương. Tôi là một cán-bộ trong số "thanh-niên" này. Công
việc của chúng tôi là phản tuyên-truyền địch. (Quân thù) đang
cố chia rẽ chúng ta. Nước ta có thể nào chia ra làm hai được,
anh ơi! Kẻ nào mơ cắt đôi tổ-quốc là đi ngược lại
với ý-muốn của toàn dân. Thuộc nghĩ nếu Bắc không có Nam thì
khô, và Nam không có Bắc cũng đau, anh nghĩ sao?

"Thuộc luôn luôn nhớ đến anh và rất mong sẽ cùng anh dự
ngày kỷ-niệm độc-lập tháng chín này.

Thân yêu,

Thuộc"

cắt đôi

thân yêu

phản tuyên truyền

danh sách

to cut in half, in two

dear, beloved

counter-propaganda

list, roll, roster

1. Đau răng
2. Phòng uân một Dơ Đốc
3. Cuộc sống
4. Thái độ phải giữ trong những căn cứ tiềm

~~lãng~~

~~lãng mạn~~

lãng mạn phiêu

một cuộc nói chuyện bằng điện thoại

Hải Quân - Lý

Giúp việc ban truyền tin



TENSION IS UNRESOLVED PRESSURE OR UNPLACED FORCE

PLURALITY OF FORCES ACTING ON OBJECT IN DIFFERENT DIRECTIONS.

chấn động = quake

mountainous terrain
mountainous jungle
mountainous mountain jungle
mountainous jungle mountain
jungle mountainous mountain
mountainous mountainous jungle

Êk lới

{Thái Dương} thần nữ = JAPANESE
{SUN}

Lý do = reason

phương hướng = direction

nam-châm = magnet

Xâm tãng

cận thị = nearsighted



lưới = net

thế hệ = generation

thụ động = passive

bà phước = nuns,